

Số: 77/KH-UBND

Giao Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2026

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số trên địa bàn xã Giao Minh năm 2026

I. CÁC CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

1. Các văn bản chỉ đạo của Trung ương

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;

- Nghị định số 194/2025/NĐ-CP ngày 03/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giao dịch điện tử về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước;

- Chỉ thị số 57-CT/TW ngày 31/12/2025 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an ninh dữ liệu trong hệ thống chính trị;

- Chương trình công tác số 02-CTr/BCĐTW ngày 02/02/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về ban hành Chương trình Công tác năm 2026;

- Kế hoạch số 04-KH/BCĐTW ngày 05/01/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về việc ban hành Kế hoạch bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin và an ninh dữ liệu trong hệ thống chính trị;

- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật chương trình hành động của chính phủ thực hiện nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của bộ chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

- Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê

duyet Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030;

- Quyết định số 1562/QĐ-TTg ngày 18/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bảo đảm liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước trong hoạt động chuyển đổi số của cả hệ thống chính trị;

- Quyết định số 1751/QĐ-TTg ngày 18/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia;

- Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;

- Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung (Phiên bản 1.0);

- Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 về việc Ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06;

- Quyết định số 2618/QĐ-BKHHCN ngày 11/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Khung kiến trúc tổng thể số quốc gia về việc Ban hành Danh mục và kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng;

- Quyết định số 3090/QĐ-BKHHCN ngày 08/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Khung kiến trúc tổng thể số quốc gia.

2. Các Nghị quyết, Kế hoạch của tỉnh

- Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 01/10/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

- Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 30/01/2026 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình về chiến lược đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình về việc dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 vốn ngân

sách địa phương;

- Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc giao Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

- Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 06/02/2026 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc Ban hành Khung kiến trúc số tỉnh Ninh Bình;

- Kế hoạch số 02-KH/BCĐ ngày 29/8/2025 của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về Triển khai thực hiện Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng tỉnh Ninh Bình năm 2025;

- Kế hoạch số 03-KH/BCĐ ngày 09/9/2025 của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về Triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

- Kế hoạch số 17-KH-BCĐ ngày 31/01/2026 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng về ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng năm 2026;

- Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 29/7/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về triển khai thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh Ninh Bình;

- Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 12/9/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 15-KH/TU ngày 28/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

- Kế hoạch số 38/KH-UBND của UBND tỉnh Ninh Bình ngày 18/8/2025 triển khai thực Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện, trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

- Kế hoạch số 152/KH-UBND ngày 05/12/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP).

- Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 26/03/2026 của UBND tỉnh Ninh Bình về Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình năm 2026.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Thống nhất phương châm hành động năm 2026: “**Hành động đột phá, lan tỏa kết quả**”, làm định hướng xuyên suốt trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện.

- Tổ chức triển khai quyết liệt, đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW; bảo đảm chuyển đổi số đóng góp thiết thực vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số thông qua nâng cao năng suất lao động, hiệu quả quản trị, chất lượng dịch vụ công và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Tạo sự chuyển biến rõ rệt về chuyển đổi số liên thông, đồng bộ trong hệ thống chính trị và trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm; tập trung vào các khâu tác động trực tiếp đến năng suất, chi phí, thời gian, chất lượng dịch vụ và khả năng mở rộng thị trường.

- Gắn trách nhiệm người đứng đầu với tiến độ, kết quả, chất lượng thực hiện nhiệm vụ; đưa kết quả thực hiện vào tiêu chí đánh giá, thi đua, khen thưởng và xem xét trách nhiệm khi chậm trễ; kiên quyết phòng chống lãng phí, tiêu cực trong tổ chức thực hiện, nâng cao hiệu quả đầu tư ngay từ khâu phê duyệt chủ trương, danh mục nhiệm vụ và phân bổ nguồn lực.

- Hoàn thiện các nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung cấp tỉnh đồng nhất, chuẩn hóa, khắc phục triệt để sự phân tán, thiếu kết nối liên thông của các hệ thống cũ; lấy đó làm cơ sở cốt lõi để vận hành chính quyền điều hành dựa trên dữ liệu. Các lĩnh vực ưu tiên được số hóa toàn diện, vận hành dựa trên dữ liệu, góp phần đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực quản trị và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Tập trung phát triển ba trụ cột: Chính quyền số - Kinh tế số - Xã hội số, gắn với định hướng của Trung ương, của Tỉnh. Cải thiện mạnh mẽ Chỉ số chuyển đổi số (DTI) của tỉnh, xã, phấn đấu đưa Giao Minh vào nhóm các xã có Chỉ số DTI trong nhóm cao của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành; thể chế, chính sách số

Tỷ lệ nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao được cụ thể hóa thực hiện bằng các văn bản, kế hoạch: Đạt 100%.

2.2. Về phát triển hạ tầng số

- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên dân số: Đạt tối thiểu 70%.

- Tỷ lệ người dân có khả năng truy cập băng thông rộng cố định với tốc độ từ 1 Gb/s trở lên: Đạt tối thiểu 70%.

- Tỷ lệ hệ thống thông tin của xã được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây: Đạt tối thiểu 50%.

- Tỷ lệ đảng viên là cán bộ, công chức, viên chức được cấp và sử dụng thường xuyên, miễn phí chữ ký số chuyên dùng công vụ: Đạt 100%.

- Tỷ lệ hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu hiện có của Đảng bộ xã được dịch chuyển và vận hành an toàn trên nền tảng điện toán đám mây (Cloud): Đạt 100%.

2.3. Về phát triển nguồn lực số

- Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản: Đạt 100%.

- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý điều hành: Đạt tối thiểu 90%.

- Tỷ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyên đổi số được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản: Đạt tối thiểu 30%.

- Tỷ lệ thành viên Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của xã; cán bộ phụ trách chuyên đổi số tại các cơ quan, đơn vị xã được tập huấn, diễn tập tình huống, diễn tập thực chiến đảm bảo an toàn thông tin mạng: Đạt 100%.

- Tỷ lệ thành viên các Tổ công nghệ số cộng đồng tại cấp xã được tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn về kỹ năng sử dụng các dịch vụ số: Đạt 100%.

- Trang thông tin điện tử của xã có chuyên trang, chuyên mục và duy trì cập nhật thường xuyên tin, bài tuyên truyền, phổ biến về chuyển đổi số, Đề án 06/CP: Đạt 100%.

- Tỷ lệ giáo viên, học sinh phổ thông được tập huấn kỹ năng cơ bản về dạy - học trên nền tảng số: Đạt 100% đối với giáo viên và đạt tối thiểu 65% đối với học sinh phổ thông.

2.4. Về phát triển dữ liệu số

- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công: Đạt tối thiểu 95%.

- Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa: Đạt tối thiểu 95%.

- Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của xã được số hóa và liên thông với tỉnh: Đạt tối thiểu 60%.

- Tỷ lệ dữ liệu các sở, ngành được tích hợp với Trục liên thông dữ liệu cấp xã (LGSP): Đạt tối thiểu 75%.

- Số hóa các danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử, lễ hội, làng nghề truyền thống, nhân vật lịch sử: Đạt tối thiểu 50%.

- Xã đạt cấp độ 3 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.

- Tỷ lệ học liệu trong chương trình giáo dục phổ thông được số hóa: Đạt tối thiểu 15%.

2.5. Về phát triển Chính quyền số

- Chỉ số chuyển đổi số cấp xã: Đạt tối thiểu 0.70.
- Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi xã: Đạt 100%.
- Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh được thực hiện trực tuyến: Đạt 100%.
- Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”: Đạt tối thiểu 80%.
- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện: Đạt 100%.
- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến: Đạt tối thiểu 90%.
- Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử: Đạt tối thiểu 95%.
- Tỷ lệ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước: Đạt 100%.
- Tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính được giao quy định hoặc quy định chi tiết trong văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền xã: Đạt tối thiểu 80%.
- Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp: Đạt tối thiểu 60%.
- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết TTHC, dịch vụ công: Đạt 85%.
- Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng trong việc thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công: Đạt 95%.
- Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử: Đạt 70%.
- Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý trên môi trường điện tử: Đạt 100%.
- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức xã có trang thiết bị đáp ứng yêu cầu công việc và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử: Đạt 100%.
- Chế độ báo cáo của xã được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo: Đạt 100%.
- Đảng ủy, chính quyền xã sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất: Đạt 100%.

2.6. Về phát triển kinh tế số

- Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số: Đạt tối thiểu 40%.

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác: Đạt 90%.

2.7. Về phát triển xã hội số

- Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID) mức 2: Đạt tối thiểu 70%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân: Đạt tối thiểu 30%.

- Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử: Đạt tối thiểu 40%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông: Đạt tối thiểu 82%.

2.8. Về an toàn thông tin mạng

- Hệ thống thông tin được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ: Đạt 100%.

- Tỷ lệ các cơ quan, ban, ngành xã thực hiện triển khai giải pháp phòng, chống vi rút mã độc quản lý, giám sát tập trung: Đạt 100%.

- Tỷ lệ hệ thống thông tin, hạ tầng, thiết bị được bảo vệ phòng, chống tấn công mạng, có giải pháp quản trị, vận hành và sao lưu, lưu trữ dự phòng: Đạt 100%.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Phát huy vai trò dẫn dắt của Ban Chỉ đạo các cấp và tinh thần trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Xây dựng chương trình công tác, kế hoạch chi tiết với các mốc thời gian, kết quả đầu ra định lượng và gắn với trách nhiệm của từng cá nhân, tổ chức.

- Kết nối dữ liệu từ xã về Trung tâm Điều hành thông minh tỉnh (IOC) để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu thời gian thực.

- Tổ chức thực hiện, nâng cao các tiêu chí, chỉ số chuyển đổi số (DTI) xã theo tiêu chí, khung chuyển đổi số cấp xã do cấp trên ban hành, định kỳ hàng quý nhằm thúc đẩy phong trào thi đua và kịp thời tháo gỡ khó khăn.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đột xuất và định kỳ để chấn chỉnh kỷ cương, nâng cao hiệu quả thực thi các kế hoạch chuyển đổi số của xã.

2. Thể chế, chính sách số

- Rà soát góp ý vào sửa đổi các quy định pháp lý nhằm tháo gỡ rào cản về thủ tục trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Ban hành Quy chế quản trị, chuẩn hóa và chia sẻ dữ liệu dùng chung cấp xã, trong phạm vi quản lý của mình, chủ yếu tập trung vào việc quản lý vận hành các hệ thống thông tin, cổng thông tin điện tử, và cập nhật cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo phân công chỉ đạo.

- Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi để thu hút các nguồn lực xã hội hóa và đẩy mạnh hợp tác công tư (PPP) trong đầu tư hạ tầng, dịch vụ số.

- Thường xuyên góp ý trong việc cập nhật Khung kiến trúc số tỉnh Ninh Bình phù hợp với các phiên bản Khung kiến trúc tổng thể số quốc gia và Khung kiến trúc số các Bộ, ngành.

- Thường xuyên cập nhật, ban hành quy chế vận hành các hệ thống thông tin dùng chung thuộc phạm vi quản lý để đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng và hiệu quả công việc tại địa phương.

3. Phát triển Hạ tầng số hiện đại và dữ liệu số

- Nâng cấp Mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) cấp II với băng thông lớn, bảo mật cao, đảm bảo kết nối ổn định xuyên suốt.

- Phát triển hạ tầng số hiện đại và dữ liệu số cấp xã là nền tảng cốt lõi của chuyển đổi số, đảm bảo hệ thống đồng bộ, an toàn, và hiệu quả. Trọng tâm bao gồm nâng cấp mạng, hạ tầng thông tin, số hóa dữ liệu dân cư/đất đai, nhằm xây dựng chính quyền số phục vụ người dân và phát triển kinh tế địa phương. Chuyển đổi hồ sơ giấy sang dữ liệu điện tử, đặc biệt là dữ liệu dân cư, đất đai và tư pháp.

- Kết nối Kho dữ liệu dùng chung cấp tỉnh, Cổng dữ liệu mở (Open Data) bảo đảm kết nối và chia sẻ hiệu quả

- Hiện đại hóa hệ thống truyền thanh thông minh, tích hợp các nền tảng số để phổ biến thông tin nhanh chóng.

- Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin đảm bảo kết nối internet tốc độ cao, ổn định (cáp quang, 4G/5G) tới các xóm.

- Phối hợp với các sở ngành, cấp trên triển khai nền tảng bản đồ số (GIS) dùng chung, tích hợp dữ liệu không gian từ các ngành tài nguyên môi trường, quy hoạch, du lịch để phục vụ quản lý và phát triển kinh tế.

- Số hóa toàn diện và xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành trọng điểm, chú trọng công tác làm sạch và chuẩn hóa dữ liệu theo nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống".

- Mở rộng hạ tầng WiFi công cộng tại các khu vực đông dân cư, bệnh viện, trường học và các địa danh du lịch lịch sử, làng nghề truyền thống.

- Ứng dụng công nghệ AI, Big Data, Blockchain vào quy trình quản trị dữ liệu lớn để nâng cao năng lực phân tích, dự báo xu hướng phục vụ điều hành của chính quyền. Đầu tư, hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin tại bộ phận Một cửa các cấp và hệ thống truyền thanh thông minh ứng dụng CNTT - viễn thông cấp xã.

- Hỗ trợ phổ cập chữ ký số công cộng cho người dân và triển khai chứng thực định danh điện tử dựa trên ứng dụng VNeID trong mọi dịch vụ thiết yếu.

4. Nhân lực số

- Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số "thực chiến" cho lãnh đạo và cán bộ chuyên trách về quản trị dữ liệu, an toàn thông tin.

- Đào tạo kỹ năng số: Nâng cao năng lực sử dụng công nghệ cho cán bộ xã.

- Triển khai sâu rộng phong trào “Bình dân học vụ số”, tập trung hướng dẫn kỹ năng số cơ bản cho người dân, nông dân và các nhóm yếu thế tại cộng đồng.

- Hiện đại hóa hạ tầng giáo dục, tăng cường đào tạo kỹ năng số, tư duy lập trình và văn hóa an toàn mạng trong chương trình giáo dục phổ thông các cấp.

5. An toàn thông tin mạng

- Ban hành và thực hiện quy chế bảo đảm ATTT, an ninh mạng cho hệ thống mạng nội bộ và dữ liệu. Cài đặt phần mềm diệt virus và tường lửa (firewall) trên máy tính.

- Thực hiện rà soát, phê duyệt và triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ cho 100% hệ thống của các cơ quan nhà nước.

- Định kỳ tổ chức diễn tập thực chiến ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng cho lực lượng chuyên trách tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Đảm bảo nguồn kinh phí dành riêng cho công tác an toàn thông tin đạt tối thiểu 10% tổng ngân sách triển khai các nhiệm vụ chuyên đổi số.

- Trang bị giải pháp phòng chống mã độc và giám sát tập trung cho hệ thống máy tính tại Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQ Việt Nam xã.

6. Chính quyền số

- Tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ và cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với các thủ tục đủ điều kiện trên môi trường điện tử.

- Xây dựng môi trường làm việc số (Digital Workplace) thống nhất cho toàn hệ thống chính quyền, hướng tới xử lý hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường mạng.

- Áp dụng nguyên tắc "AI First" trong việc ứng dụng trợ lý ảo hỗ trợ cán bộ, công chức xử lý văn bản và hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong các cơ quan khối đảng, đoàn thể và tích hợp dữ liệu vào kho dữ liệu chung của xã.

7. Kinh tế số

- Triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp SME thực hiện chuyển đổi số trong quản trị, sản xuất, marketing và thương mại điện tử.

- Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở y tế, giáo dục, các khu du lịch và các giao dịch hành chính công.

- Thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế dựa trên dữ liệu, hình thành thị trường dữ liệu số địa phương trong các lĩnh vực và quy hoạch.

8. Xã hội số

- Phổ cập tài khoản định danh điện tử VNeID mức độ 2 và chữ ký số cá nhân để người dân thực hiện các giao dịch trên môi trường số.

- Đẩy mạnh ứng dụng Sổ sức khỏe điện tử, hồ sơ y tế số và các nền tảng dạy học trực tuyến để nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, giáo dục cho nhân dân.

- Số hóa các di tích lịch sử và thư viện để cung cấp các dịch vụ nội dung số phục vụ nhu cầu văn hóa của cộng đồng.

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông

- Xây dựng các chuyên mục tuyên truyền về chuyển đổi số, Đề án 06 trên các phương tiện thông tin đại chúng và nền tảng mạng xã hội.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm và nhân rộng các mô hình, điển hình thành công về chuyển đổi số trên địa bàn xã.

10. Đảm bảo nguồn lực tài chính

- Ưu tiên bố trí ngân sách địa phương dành cho chuyển đổi số trong tổng chi ngân sách địa phương năm 2026.

- Sử dụng ngân sách nhà nước làm "vốn môi" để dẫn dắt và thu hút các nguồn lực từ doanh nghiệp công nghệ thông tin tham gia đầu tư theo hình thức PPP.

11. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu

- Chuyển dịch từ hình thức mua sắm thiết bị sang thuê dịch vụ CNTT trọn gói để tối ưu hóa ngân sách và đảm bảo công nghệ luôn được cập nhật.

- Cho phép doanh nghiệp triển khai thí điểm các giải pháp mới (ví dụ: camera AI an ninh, cảm biến nông nghiệp thông minh) tại địa phương. Doanh nghiệp có dữ liệu thực tế, xã có công cụ quản lý miễn phí trong giai đoạn đầu.

Liên kết với các viện nghiên cứu nông nghiệp hoặc trường đại học CNTT để ứng dụng các giải pháp chuyên sâu (ví dụ: truy xuất nguồn gốc mã vùng trồng, dự

báo thời tiết sâu bệnh qua ứng dụng di động).

IV. NHIỆM VỤ CỤ THỂ VÀ PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Danh mục chi tiết dự án, nhiệm vụ chuyên đổi số dự kiến triển khai năm 2026 tại chi tiết tại các Phụ lục 1, Phụ lục 2 kèm theo Kế hoạch này.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.
- Ngân sách tỉnh nguồn sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. UBND xã, Ban Chỉ đạo của UBND xã về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06

- Trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc và kiểm tra toàn diện việc triển khai các nội dung của Kế hoạch đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất trên địa bàn toàn xã.
- Điều phối công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị để giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh, bảo đảm tiến độ thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm.
- Quyết định các cơ chế, chính sách đột phá và huy động nguồn lực tài chính để triển khai hạ tầng số, dữ liệu số dùng chung.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch đảm bảo hiệu quả và khả thi; báo cáo đánh giá việc thực hiện kế hoạch trên địa bàn xã.
- Thực hiện vai trò cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo trong việc hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và đôn đốc các đơn vị thực hiện các chỉ tiêu đề ra. Tổng hợp tình hình, kết quả triển khai định kỳ để báo cáo Ban Chỉ đạo và UBND xã theo quy định.
- Chủ trì tham mưu điều chỉnh nội dung Kế hoạch phù hợp với thực tiễn và lộ trình triển khai của Tỉnh trong năm 2026.
- Phối hợp với các đơn vị có liên quan đề xuất các nội dung liên quan đến phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông, công nghệ thông tin và quản trị các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung của tỉnh.
- Phối hợp với các sở, ban, ngành, các đơn vị tư vấn có kinh nghiệm lâu năm, uy tín, tổ chức các hội nghị, hội thảo, lớp tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho cán bộ, thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng.
- Hướng dẫn đề xuất các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo gắn liền với các giải pháp công nghệ số và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Ưu

tiên bố trí kinh phí nghiên cứu cho các đề tài, chương trình khoa học hỗ trợ trực tiếp các mục tiêu chuyển đổi số.

- Chủ trì triển khai các giải pháp gắn kết chặt chẽ giữa Chương trình cải cách hành chính với Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026.

- Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực công nghệ thông tin và kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức.

3. Văn phòng HĐND và UBND xã

- Phối hợp rà soát, nâng cấp và vận hành các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh được giao quản lý.

- Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội tổ chức kiểm tra thực tế tình hình thực hiện nhiệm vụ tại các cơ quan, đơn vị.

4. Trung tâm Phục vụ hành chính công xã

- Chủ trì triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng cải cách và kiểm soát thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã.

- Đôn đốc, kiểm tra và hướng dẫn các đơn vị thực hiện chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình, biểu mẫu trên Cổng dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

5. Phòng Kinh tế

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh cân đối ngân sách, bố trí nguồn vốn chi thường xuyên và vốn đầu tư công hàng năm để triển khai các dự án chuyển đổi số.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng nguồn vốn đảm bảo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản liên quan.

6. Công an xã

- Chủ trì đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ, chỉ tiêu tại Đề án 06 về phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử.

- Triển khai các biện pháp truyền thông, phòng ngừa và đấu tranh với các loại tội phạm vi phạm pháp luật trong lĩnh vực an toàn thông tin, an ninh mạng.

- Đảm bảo các giải pháp kỹ thuật về an ninh mạng đáp ứng yêu cầu vận hành cho các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước.

7. Các cơ quan, đơn vị, ban, ngành và các cơ sở xóm

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ để ban hành Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 của cơ quan, đơn vị. Trong đó cụ thể hóa các chỉ tiêu, nhiệm vụ và phân công rõ cá nhân, đơn vị chủ trì gắn với mốc thời gian hoàn thành cụ thể. Người đứng

đầu cơ quan, đơn vị chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã về tính hiệu quả, khả thi, tiến độ, không trùng lặp,... về việc thực hiện nhiệm vụ, dự án tại cơ quan, đơn vị mình.

- Thực hiện thông tin tuyên truyền sâu rộng về dịch vụ công trực tuyến và các ứng dụng số đến người dân, cán bộ tại cơ sở.

Ủy ban nhân dân xã yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các cơ sở xóm nghiêm túc tổ chức hiện đầy đủ các nội dung của Kế hoạch và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã về kết quả thực hiện. Trong quá trình triển khai, căn cứ tình hình thực tiễn, nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân xã (qua Phòng Văn hóa - Xã hội) để xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể của xã;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã;
- Các xóm;
- Lưu: VT, VHXXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Viết Sự

